

Bản án số: **11/2018/HS-ST**

Ngày: 11 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hảo

Bà Dương Thị Sáng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyền Quang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà Lương Minh Hạnh - Kiểm sát viên

Trong các ngày 10 và 11 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/HSST-QĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1976 tại YL, ĐT, TN;

Nơi cư trú: Xóm NT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh TN;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Ngọc S, sinh 1947; con bà Nguyễn Thị B, sinh 1947; vợ Phạm Thị H, sinh 1981; có 02 con (lớn sinh 1999, nhỏ sinh 2001);

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/7/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyền Quang; có mặt.

2. Hoàng Văn H, sinh năm 1979 tại PX, ĐT, TN;

Nơi cư trú: Xóm 9, xã PX, huyện ĐT, tỉnh TN;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn H, sinh 1944; con bà Vi Thị M, sinh 1948; vợ Ninh Thị N, sinh 1981; có 02 con (lớn sinh 2009, nhỏ sinh 2014);

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Hầu Văn T, sinh năm 1980 tại xã NM, ĐT, TN;

Nơi cư trú: Xóm KU, xã NM, huyện ĐT, tỉnh TN;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Sán Chí; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Hầu Văn T1, sinh 1947; con bà Hoàng Thị Y, sinh 1947; vợ Âu Thị V, sinh 1981; có 02 con (lớn sinh 1998, nhỏ sinh 2011);

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Hầu Văn K, sinh năm 1976 tại xã NM, ĐT, TN;

Nơi cư trú : Xóm K, xã NM, huyện ĐT, tỉnh TN;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Sán Chí; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Hầu Văn Đ, sinh 1947; con bà Hoàng Thị M, sinh 1947; vợ Đào Thị L, sinh 1981; có 02 con sinh năm 2001 và 2011);

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/10/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

5. Ma Văn C, sinh năm 1987 tại xã LT, SD, Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn Phục H, xã LT, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Ma Trung T, sinh 1951; con bà Ma Thị P, sinh 1949; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hầu Văn T: Ông Ninh Văn M, Trợ giúp viên pháp lý-TT trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang cử bào chữa; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn H và Ma Văn C: Bà Vũ Thanh T, Trợ giúp viên pháp lý-TT trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang cử bào chữa; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hầu Văn K do bị cáo nhờ: có các luật sư Nguyễn Đắc T và Phùng Văn C - Công ty Luật TNHH MT thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: Số 281, đường Đ, phường LG, quận BD, thành phố H; có mặt.

Người có quyền lợi liên quan: Phạm Xuân A; trú tại: thôn ĐĐ, xã HT, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 2 năm 2017, Chu Văn S, trú tại: Tổ 10B, phường TL, thành phố TN, tỉnh TN biết hang quặng X11(*còn gọi là hang nước*) ở thôn ML, xã TM, huyện YS, Tuyên Quang có quặng chì kẽm nên S đã làm việc với Nguyễn Văn T2, trú tại xóm TT, xã YL và Nguyễn Ngọc H ở xóm NT, xã YL, huyện ĐT, tỉnh TN đi khai thác quặng cùng S; H có trách nhiệm tìm và thuê người làm, số tiền lãi từ việc khai thác quặng S, H và T2 thống nhất chia đôi.

Đầu tháng 3 năm 2017, H thuê được Trần Văn D ở xóm 9, xã PX, huyện ĐT, TN đi làm quặng với mức lương 200.000đ/1 ngày công (bao ăn nghỉ). H nhờ D tìm thêm người và D giới thiệu Hoàng Văn H, Hầu Văn T (cháu họ D) cùng trú tại xóm K, xã NM, ĐT, TN. Tìm được người làm, S đón và đưa nhóm gồm: D, H, T đến ở tại lán của ông Bàn Văn T3 ở thôn ML, xã TM, YS, Tuyên Quang (*cách hang quặng X11 khoảng 800 mét*). Trong khoảng 10 ngày đầu, D, H, T phát dọn cây, san, dọn đường gặp phải tảng đá to chắn ngang, H đã đưa cho H 08 thỏi thuốc nổ, kèm theo 16 kíp nổ, 08 mét dây cháy chậm để sử dụng (*H giao cho H, T đốt nổ mìn, D dọn hang, xúc quặng*). Khi phá tảng đá to chắn cửa hang, H cắt 02 thỏi thuốc nổ, gắn kíp và dây cháy chậm đưa cho T nhồi vào đốt nổ (*một quả mìn gồm ½ thỏi thuốc nổ, 01 kíp nổ, 0,5 mét dây cháy chậm*). T sử dụng hết 1,5 thỏi đốt nổ làm 2 lần nhưng không phá được tảng đá, H đã trực tiếp khoan 02 lỗ

trên tảng đá, dùng 2 quả mìn (gồm 01 thời thuốc nổ, 02 kíp nổ, 1 mét dây cháy chậm) thì phá được tảng đá. Số thuốc này, H, H, T đã sử dụng hết 05 thời thuốc nổ, 10 kíp nổ, 10 mét dây cháy chậm.

Giữa tháng 3 năm 2017, qua T, H thuê thêm Hầu Văn K (anh họ của T), ở xóm K, xã NM, huyện ĐT, TN; đồng thời mang lên 01 cốp vật liệu nổ đựng trong bao tải giao cho H cất giấu để sử dụng (01 cốp bao gồm 10 thời thuốc nổ, 20 kíp nổ, 10 mét dây cháy chậm). H đem số vật liệu này cùng với số vật liệu nổ còn lại từ lần trước tổng là 13 thời thuốc nổ, 26 kíp nổ, 13 mét dây cháy chậm giấu trong đồng đất đá trong hang quặng. Quá trình làm quặng, H, T, K cùng nhau khoan lỗ, H nhồi 20 quả mìn đưa cho T trực tiếp đốt nổ 8 quả mìn (gồm 4 thời thuốc nổ, 08 kíp nổ, 4 mét dây cháy chậm), đưa cho K trực tiếp đốt nổ 12 quả mìn (gồm 8 thời thuốc nổ, 16 kíp nổ, 8 mét dây cháy chậm).

Ngày 28/3/2017, H thuê thêm Ma Văn C (C quen biết H từ trước). Thời gian này, H cất thuốc nổ, đầu nối làm thành 6 quả mìn đưa cho K trực tiếp đốt nổ 2 quả mìn (gồm 1 thời thuốc nổ, 02 kíp, 01 mét dây cháy chậm), đưa cho C 4 quả mìn (gồm 2 thời thuốc nổ, 04 kíp, 02 mét dây cháy chậm) để C và K trực tiếp đốt nổ. Thấy hết vật liệu nổ, H nói với H lấy thêm, hai ngày sau có một người đàn ông lạ mặt mang đến để ở lán 03 thời thuốc nổ, 6 kíp nổ được gói trong túi nilon đưa cho H, H đem số vật liệu trên làm thành 6 quả mìn đưa cho C và K thay nhau đốt nổ.

Ngày 30/3/2017, tổ công tác Ủy ban nhân dân xã TM đến kiểm tra phát hiện Ma Văn C, Hoàng Văn H, Hầu Văn K đang khai thác quặng trái phép, tổ công tác lập biên bản vi phạm hành chính.

Ngày 31/3/2017, H thuê thêm Tạ Văn C ở xóm ĐK, xã YL, huyện ĐT, tỉnh TN (C với H là hàng xóm) lên hang quặng. H mang theo 01 cốp vật liệu nổ (gồm 10 thời thuốc nổ, 20 kíp nổ, 10 mét dây cháy chậm) giao cho Ma Văn C, C đã sử dụng số vật liệu nổ này nhồi thành mìn, khoan lỗ, đốt nổ 06 thời thuốc nổ, 12 kíp, 6 mét dây cháy chậm. Những người còn lại không được H giao đốt nổ thì dọn quặng ra khỏi hang.

Giữa tháng 4/2017, T rủ thêm Hầu Văn T3 (hàng xóm) ở Khuôn U, xã NM, huyện ĐT, TN (là cháu ruột K) đi làm quặng thuê cho H. Ngày 18/4/2017, T đưa T3 lên bãi quặng xã TM để làm. Qua T, H thuê thêm Hầu Văn C (em trai ruột của T) và Ninh Văn H, đều trú tại: Thôn K, xã NM, huyện ĐT, tỉnh TN làm quặng cho H. Ngày 20/4/2017, H và T2 đưa C, H đến bãi quặng. Ma Văn C lấy ra sử dụng tiếp 4 thời thuốc nổ, 08 kíp nổ, 04 mét dây cháy chậm ; trong đó, Ma Văn C trực tiếp đầu nối, đốt nổ 01 quả mìn (1/2 thời thuốc nổ, 01 kíp, 0,5 mét dây cháy chậm), còn lại 3,5 thời thuốc nổ, 07 kíp nổ và 3,5 mét dây cháy chậm H, K, T chia nhau sử dụng đốt nổ hết.

Cuối tháng 4/2017, H lại mang lên lán giao cho Ma Văn C “01 cốp” vật liệu nổ (01 cốp bao gồm 10 thời thuốc nổ, 20 kíp nổ, 10 mét dây cháy chậm), trong số vật liệu nổ này K, T, H sử dụng hết 05 thời thuốc nổ, 10 kíp, 05 mét dây cháy chậm, còn lại 05 thời thuốc nổ, Ma Văn C tiếp tục cất giấu (do không có kíp nổ và dây cháy chậm đã bị ẩm ướt không sử dụng được nên đã vứt bỏ).

Ngày 28/4/2017, tổ công tác Ủy ban nhân dân xã TM phối hợp với lực lượng Công an tới kiểm tra phát hiện thu giữ 07 tạ quặng trong hang, ngày 29/4/2017 phát hiện 05 tấn quặng tập kết tại bãi đất trống sau lán của nhóm làm thuê. H cho nhóm tạm dừng nghỉ về

nhà, giao cho H và K ở lại trông lán, 05 thỏi thuốc nổ chưa dùng H bảo Ma Văn C tìm chỗ cất giấu.

Đầu tháng 5/2017, H, T2 tiếp tục thuê Thiên, Hầu Văn C, Ma Văn C, D đi khai thác quặng tại khu vực trong khu đồi cây thuộc thôn Đ, xã HT, huyện SD. Ngày 18/5/2017, tổ công tác của Ủy ban nhân dân xã HT đến kiểm tra đã phát hiện lập biên bản thu giữ 05 thỏi thuốc nổ = 1kg thuốc nổ.

Thi hành lệnh khám xét chỗ ở ngày 10/7/2017 đối với Nguyễn Ngọc H tại xóm NT, xã YL, huyện ĐT, TN đã tạm giữ 07 thỏi thuốc nổ, 21 kíp nổ, 10,6 mét dây cháy chậm. Số vật liệu này, H khai nhận được tại bãi quặng KC thuộc thôn Đ, xã HT, huyện SD vào tháng 4/2017 mục đích để sử dụng.

Tại công văn số 1663 ngày 30/5/2017 và Công văn số 2237 ngày 12/7/2017 của Phòng kỹ thuật, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tuyên Quang có ý kiến như sau:

+ 05 thỏi hình trụ, phía ngoài bọc giấy màu nâu được tẩm sáp. Tổng trọng lượng là 1 kg, đây là thuốc nổ công nghiệp Amonit dùng để khai thác đá, quặng lộ thiên (còn sử dụng được). Thuốc nổ sản xuất tại Nhà máy Z121 (Phú Thọ).

+ 07 thỏi hình trụ, phía ngoài bọc giấy màu nâu được tẩm sáp. Tổng trọng lượng là 1kg, đây là thuốc nổ công nghiệp Amonit dùng để khai thác đá, quặng lộ thiên (còn sử dụng được); 01 ống kim loại màu trắng, dài 6,5cm một đầu có gắn dây điện màu xanh-đỏ, đây là kíp nổ điện số 8 vỏ nhôm, dùng để kích nổ lượng nổ khi nhận được xung điện thích hợp (còn sử dụng được); 20 ống kim loại màu trắng, mỗi ống dài 4cm, một đầu rỗng. Đây là kíp nổ thường số 8 vỏ nhôm, dùng để kích nổ lượng nổ khi nhận được xung điện thích hợp (còn sử dụng được); 01 đoạn dây màu đen, dài 10,6m đây là dây cháy chậm vỏ sợi dùng để tạo sung lửa kích nổ kíp nổ (còn sử dụng được).

Như vậy, Nguyễn Ngọc H đã tàng trữ trái phép 48 thỏi thuốc nổ = 9,6kg, 104 kíp nổ và 48,6 mét dây cháy chậm, trực tiếp đốt nổ 02 quả mìn = 01 thỏi thuốc nổ, 02 kíp nổ, 01 mét dây cháy chậm nhằm mục đích khai thác quặng trái phép.

Hoàng Văn H, có hành vi sử dụng 21 thỏi thuốc nổ = 4,2kg thuốc nổ, 42 kíp nổ, 21 mét dây cháy chậm.

Ma Văn C, có hành vi sử dụng 20 thỏi thuốc nổ = 4kg thuốc nổ, 40 kíp nổ, 20 mét dây cháy chậm, trực tiếp sử dụng trái phép 08 thỏi thuốc nổ = 1,6kg thuốc nổ, 16 kíp nổ, 16 mét dây cháy chậm.

Hầu Văn T, có hành vi sử dụng trái phép 07 thỏi thuốc nổ = 1,4 kg, 14 kíp nổ, 7 mét dây cháy chậm. Ngoài ra T còn khoan lỗ, đốt nổ mìn với H, K, Ma Văn C.

Hầu Văn K, đã có hành vi sử dụng trái phép 05 thỏi thuốc nổ = 1 kg thuốc nổ, 11 kíp nổ, 05 mét dây cháy chậm.

Tuy nhiên, quá trình điều tra lúc đầu Hầu Văn K khai nhận đã sử dụng trái phép 05 thỏi thuốc nổ, 11 kíp nổ, 05 m dây cháy chậm nH sau đó không thừa nhận hành vi sử dụng trái phép vật liệu nổ nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo (tại bút lục số 714 đến 724), lời khai của bị cáo H (tại bút lục số 583 – 648), bị cáo Ma Văn C (tại bút lục số 773-863), bị cáo Hầu Văn T (bút lục số 649-713), Biên bản đối chất (bút lục số 898 – 931) đủ căn cứ kết luận Hầu Văn K đã có hành vi sử dụng trái phép 05 thỏi thuốc nổ còn nguyên vẹn = 1 kg thuốc nổ, 11 kíp nổ, 05 mét dây cháy chậm.

Tại Bản cáo trạng số 06/QĐ-KSĐT ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố:

- Nguyễn Ngọc H về tội: Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật hình sự 2015.

- Truy tố Hoàng Văn H, Ma Văn C, Hầu Văn T, Hầu Văn K về tội: Sử dụng trái phép vật liệu nổ theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo H, H, C, T tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội và khai rằng Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Bị cáo Hầu Văn K tiếp tục không thừa nhận có sử dụng trái phép vật liệu nổ như Viện kiểm sát truy tố bị cáo, bị cáo có tham gia khoan lỗ cùng các bị cáo H, C nhưng không sử dụng thuốc nổ cùng H, C.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày luận tội: giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ”;

Các bị cáo Hoàng Văn H, Ma Văn C, Hầu Văn T, Hầu Văn K phạm tội “Sử dụng trái phép vật liệu nổ”.

*Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 BLHS 2015; khoản 1, khoản 5 Điều 232; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự 1999; xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Phạt tiền từ 05 triệu đến 07 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

*Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 BLHS 2015; khoản 1 Điều 232; các Điều 20, 53; khoản 2 Điều 46 và Điều 33 của Bộ luật hình sự 1999; xử phạt:

- Bị cáo Hầu Văn K từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

*Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 BLHS 2015; khoản 1 Điều 232; các Điều 20, 53; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 BLHS 1999; xử phạt:

- Bị cáo Hoàng Văn H từ 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách từ 30 đến 36 tháng.

- Bị cáo Ma Văn C từ 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách từ 30 đến 36 tháng.

- Bị cáo Hầu Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Pháp lệnh số 16 ngày 30-6-2011 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ:

Tịch thu sung công quỹ: 01 máy đục, 02 xe kéo tự chế, 163 mét dây điện, 01 hộp kim loại màu đen, 01 hộp kim loại màu vàng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 can nhựa màu xanh lá cây, 01 túi xách giả da, 01 xe đẩy tự chế.

Trả lại 01 điện thoại di động cho anh Phạm Xuân A, tiếp tục lưu giữ 01 giấy phép ra vào cổng do kho K380-Bộ Tư lệnh Pháo Binh cấp cho chị Bùi Thị N (vợ anh Xuân A).

Giao số vật chứng là vật liệu nổ cho Công an tỉnh Tuyên Quang xử lý theo thẩm quyền.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo H không có ý kiến bào chữa, xin mức án nhẹ nhất.

Các trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn H, Ma Văn C, Hầu Văn T bào chữa: Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội Sử dụng trái phép vật liệu nổ là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, ba bị cáo chỉ là người làm thuê kiếm sống, đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số, văn hóa thấp sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không có tiền án, tiền sự nên nhất trí luận tội của Kiểm sát viên về việc đề nghị Hội đồng xét xử cho ba bị cáo được hưởng án treo là phù hợp và mong Hội đồng xét xử chấp nhận xử các bị cáo mức án khởi điểm. Bị cáo H, C, T nhất trí, không bổ sung lời bào chữa.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Hầu Văn K trình bày lời bào chữa: Đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào lời khai ban đầu của bị cáo K và lời khai của các bị cáo khác để kết tội bị cáo K là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 13 Bộ luật hình sự 2015 về Suy đoán vô tội xem xét cân nhắc trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc tuyên bố bị cáo K không phạm tội. Về điều luật truy tố các bị cáo, bản cáo trạng truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 305 BLHS 2015 nhưng tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội các bị cáo theo khoản 12 Điều 232 BLHS 1999 nhưng không có cáo trạng bổ sung. Về việc bắt giam bị cáo K của Cơ quan điều tra không có căn cứ, bị cáo không vi phạm Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú nên việc bắt giam K là trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử thay đổi biện pháp ngăn chặn thả bị cáo K tại phiên tòa.

Bị cáo K nhất trí lời bào chữa của các luật sư, không bổ sung gì thêm.

Kiểm sát viên thực hiện việc đối đáp, qua đối đáp Kiểm sát viên giữ nguyên luận tội đã trình bày. Về việc bắt giam bị cáo K, do quá trình điều tra bị cáo vi phạm lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú thể hiện bằng các biên bản xác minh tại gia đình bị cáo và tại công an, ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú thể hiện bị cáo đi làm ăn ở PY, TN không biết địa chỉ cụ thể; bị cáo bị truy tố theo khoản 1 Điều 232 BLHS quy định mức hình phạt từ 01 năm tù đến 05 năm tù là thuộc tội nghiêm trọng nên việc bắt giam bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Lời nói sau cùng, các bị cáo H, C, T xin mức án nhẹ nhất; bị cáo K nói bị oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp kể cả việc áp dụng biện pháp ngăn chặn (tạm giam) đối với bị cáo Hầu Văn K.

[2] Về hành vi phạm tội Viện kiểm sát truy tố các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo H, H, C, T tiếp tục nhận tội, không kêu oan nên có đủ căn cứ kết luận: Từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 5 năm 2017, Nguyễn Ngọc H đã có hành vi tàng trữ trái phép 48 thỏi thuốc nổ có trọng lượng 9,6kg, 104 kíp nổ và 48,6 mét dây cháy chậm; trực tiếp đốt nổ 02 quả mìn = 01 thỏi thuốc nổ, 02 kíp nổ, 01 mét dây cháy chậm nhằm mục đích khai thác quặng trái phép; Hoàng Văn H, sử dụng 21 thỏi thuốc nổ có trọng lượng 4,2kg thuốc nổ, 42 kíp nổ, 21 mét dây cháy chậm; Ma Văn C sử dụng 20 thỏi thuốc nổ có trọng lượng 4 kg thuốc nổ, 40 kíp nổ, 20 mét dây cháy chậm; Hầu Văn T sử dụng trái phép 07 thỏi thuốc nổ có trọng lượng 1,4 kg, 14 kíp nổ, 7 mét dây cháy chậm; Hầu Văn K sử dụng trái phép 05 thỏi thuốc nổ có trọng lượng 1 kg thuốc nổ, 11 kíp nổ, 05 mét dây cháy chậm. Hành vi các bị cáo sử dụng thuốc nổ, kíp nổ, dây cháy chậm để phá đá trong quá trình khai thác quặng trái phép đã xâm phạm an toàn công cộng nên bị coi là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo Nguyễn Ngọc H vừa là người cung cấp vật liệu nổ cho các bị cáo khác, và là người trực tiếp sử dụng vật liệu nổ, khi khám nhà bị cáo H còn thu giữ 07 thỏi thuốc nổ, 21 kíp nổ, 10,6 mét dây cháy chậm nên Nguyễn Ngọc H đã phạm vào tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ” theo Điều 232 Bộ luật Hình sự 1999. Các bị cáo, Hoàng Văn H, Ma Văn C, Hầu Văn T là những người làm thuê cho H và nhận thuốc nổ từ H để thực hiện việc phá đá nên đã phạm vào tội “Sử dụng trái phép vật liệu nổ” theo Điều 232 Bộ luật Hình năm 1999. Đối với Hầu Văn K, tại phiên tòa không khai nhận có tham gia sử dụng vật liệu nổ nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo (từ bút lục số 714 đến 724) và các bản tự khai do tự tay bị cáo viết ngày 08/6/2017 và ngày 14/7/2017, lời khai của bị cáo H (tại bút lục số 583 đến 648), bị cáo Ma Văn C (tại bút lục số 773 đến 863), bị cáo Hầu Văn T (từ bút lục số 649 đến 713) và lời khai của các bị cáo khai tại phiên tòa đủ căn cứ kết luận Hầu Văn K đã có hành vi sử dụng trái phép 05 thỏi thuốc nổ có trọng lượng 1 kg thuốc nổ, 11 kíp nổ, 05 mét dây cháy chậm vào việc phá đá để khai thác quặng. Ngoài ra, còn tham gia đục lỗ, khoan lỗ để bị cáo H, C, T gài mìn phá đá nên có đủ căn cứ kết luận Hầu Văn K phạm tội “Sử dụng trái phép vật liệu nổ” theo Điều 232 Bộ luật Hình năm 1999.

[3] Về áp dụng điều luật của Bộ luật Hình sự: Tại cáo trạng số 06/QĐ-KSĐT ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố Nguyễn Ngọc H về tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật hình sự 2015; truy tố Hoàng Văn H, Ma Văn C, Hầu Văn T, Hầu Văn K về tội Sử dụng trái phép vật liệu nổ theo khoản 1 Điều 305 Bộ luật hình sự 2015. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc Thi hành Bộ luật Hình sự ...có thay đổi đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 1999 thay cho áp dụng Điều 305 Bộ luật Hình sự năm 2015 do Điều 305 Bộ luật Hình sự 2015 không có lợi cho người phạm tội. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đúng tinh thần Nghị quyết số 41 của Quốc hội quy định nên chấp nhận.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt: căn cứ trọng lượng thuốc nổ, số lượng kíp nổ, dây cháy chậm mỗi bị cáo thực hiện thì hành vi phạm tội của các bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố ở khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự 1999 là đúng quy định của pháp luật. Các

bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt về tội đã phạm.

[4] Đánh giá về tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng thực hiện do lỗi cố ý, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội nên cần phải xử lý nghiêm minh, buộc các bị cáo phải chịu hình phạt tù để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, giáo dục phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, đều có nhân thân tốt; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo H, H, C, T thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; các bị cáo T, C, K là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội khó khăn và là người dân lao động đi làm thuê kiếm sống đã phạm tội nên cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo H tự giác ra đầu thú vào ngày 16/7/2017 (BL 868), có bố để được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên áp dụng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo H. Bị cáo Hầu Văn K, trước khi nhờ luật sư bào chữa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi sử dụng thuốc nổ để khai thác quặng cùng C, T, H nhưng sau khi có luật sư bào chữa bị cáo phản cung cho rằng những lời khai nhận tội trước là do bị cáo khai láo với cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo tiếp tục không thừa nhận sử dụng vật liệu nổ nhưng các bản tự khai và lời khai trước đó có nội dung phù hợp với lời khai của các bị cáo C, T, H. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tiếp tục không nhận tội là thể hiện sự không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về đường lối xử lý: Bị cáo H là người tàng trữ số lượng thuốc nổ nhiều để cung cấp cho các bị cáo khác sử dụng thuốc nổ trong quá trình khai thác quặng, trực tiếp sử dụng thuốc nổ nên cần xử bị cáo mức án tù cao hơn các bị cáo khác và buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo. Ngoài ra, buộc bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định. Bị cáo Hoàng Văn H, sử dụng 21 thỏi thuốc nổ có trọng lượng 4,2 kg thuốc nổ, 42 kíp nổ, 21 mét dây cháy chậm; Ma Văn C, sử dụng 20 thỏi thuốc nổ có trọng lượng 4 kg thuốc nổ, 40 kíp nổ, 20 mét dây cháy chậm. Hai bị cáo H, C sử dụng thuốc nổ, kíp nổ, dây cháy chậm tương đương nhau nên xử mức án tù ngang nhau. Bị cáo Hầu Văn T, sử dụng trái phép 07 thỏi thuốc nổ có trọng lượng 1,4 kg, 14 kíp nổ, 7 mét dây cháy chậm nên mức án thấp hơn các bị cáo trên. Các bị cáo, H, C, T, có nhân thân tốt, là người dân lao động lương thiện, sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn phải đi làm thuê kiếm sống, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo. Bị cáo Hầu Văn K, tuy không nhận tội nhưng có căn cứ xác định bị cáo sử dụng trái phép thuốc nổ có số lượng thấp nhất, có nhân thân tốt, là người dân lao động lương thiện, sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn phải đi làm thuê kiếm sống, có trình độ văn hóa thấp đã phạm tội, bị cáo không có tiền án, tiền sự nên xử bị cáo mức án tù bằng bị cáo T và cho hưởng án treo là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc xử lý vật chứng đang tạm giữ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận. Riêng điện thoại di động nhãn hiệu HTC màn hình cảm ứng thu của Phạm Xuân A không liên quan đến vụ án nên trả lại cho Phạm Xuân A; thu của Phạm Xuân A 01 giấy ra vào cổng Kho K380 mang tên Bùi Thị N (vợ Xuân A) do Bộ Tư lệnh Pháo binh cấp để ra vào cổng chăm sóc rừng trồng từ năm 2016, đang lưu trong hồ sơ vụ án không còn thời hạn sử dụng nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố*: Bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vật liệu nổ”;

Các bị cáo Hoàng Văn H, Ma Văn C, Hầu Văn T, Hầu Văn K phạm tội “Sử dụng trái phép vật liệu nổ”.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 232 Bộ luật Hình sự 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt:

- Bị cáo **Nguyễn Ngọc H 02** (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 16 tháng 7 năm 2017.

Phạt tiền: 5.000.000đ (Năm triệu đồng), buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H phải nộp một lần để sung vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 58 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 60 của Bộ luật Hình sự 1999; xử phạt:

- Bị cáo **Hoàng Văn H 01** (một) năm **03** (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/4/2018.

Giao Hoàng Văn H cho Ủy ban nhân dân xã PX, huyện ĐT, tỉnh TN để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Bị cáo **Ma Văn C 01** (một) năm **03** (ba) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/4/2018.

Giao Ma Văn C cho Ủy ban nhân dân xã LT, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Bị cáo **Hầu Văn T 01** (một) năm tù, cho hưởng án treo, thử thách **02** (hai) năm; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/4/2018.

Giao Hầu Văn T cho Ủy ban nhân dân xã NM, huyện ĐT, tỉnh TN để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 232; khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 60 của Bộ luật Hình sự 1999; xử phạt:

- Bị cáo **Hầu Văn K 01** (một) năm tù, cho hưởng án treo, thử thách **02** (hai) năm; thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/4/2018.

Giao Hầu Văn K cho Ủy ban nhân dân xã NM, huyện ĐT, tỉnh TN để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. *Về vật chứng và đồ vật tạm giữ:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; các điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 11 Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30-6-2011 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

- Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền bán phát mại: 01 máy đục sử dụng bằng điện, có kèm theo mũi khoan; 02 xe kéo tự chế thùng bằng kim loại; 163 mét dây điện (chia làm 02 cuộn) đã qua sử dụng; 01 hộp kim loại màu đen, trên nắp có in hình máy khoan; 01 hộp kim loại màu vàng, trên nắp có in hình máy khoan đục; 01 mũi khoan bằng kim loại, dài 38 cm; 03 mũi đục bằng kim loại, dài 38 cm.

Biên bản giao nhận vật chứng như của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 22 tháng 01 năm 2018.

- Tịch thu, tiêu hủy thuốc nổ công nghiệp Amonit, gồm: 05 (năm) thỏi dài 25 cm, đường K 3,2cm bọc giấy màu nâu, tấm sếp, ký hiệu AD1. Φ 32-200gr.21, trọng lượng 01 kg (tình trạng như Biên bản bàn giao ngày 30/5/2017 tại kho vũ khí Phòng Hậu cần-Kỹ thuật Công an tỉnh Tuyên Quang giữa Phòng PA92 với Phòng PH41 Công an tỉnh Tuyên Quang); 07 (bảy) thỏi thuốc nổ công nghiệp Amonit; 01 (một) đoạn dây cháy chậm đựng trong thùng bìa cát tông có chữ ký của người bàn giao; 01 (một) kíp nổ điện vỏ nhôm; 20 (hai mươi) kíp nổ thường đựng trong hộp giấy có chữ ký của người bàn giao (tình trạng như Biên bản bàn giao ngày 12/7/2017 tại kho vũ khí Phòng Hậu cần-Kỹ thuật Công an tỉnh Tuyên Quang giữa Phòng PA92 với Phòng PH41 Công an tỉnh Tuyên Quang).

Giao cho Công an tỉnh Tuyên Quang toàn bộ số vật chứng là vật liệu nổ, dây cháy chậm, kíp nổ như các Biên bản bàn giao trên để xử lý theo quy định.

3. *Về án phí:* Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo: Nguyễn Ngọc H, Hoàng Văn H, Ma Văn C, Hầu Văn T, Hầu Văn K mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan (anh Phạm Xuân A) vắng mặt được quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh TQ;
- CQ An ninhĐT Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh TQ;
- Các Bị cáo; Người có QLLQ;
- Sở Tư pháp TQ;
- Hồ sơ vụ án;
- THA hình sự;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Oanh